TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM** Bản án số: **24**/2022/HS-ST Ngày 11/7/2022	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thêm;

2. Ông Trần Nhượt.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hướng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Lương H, sinh ngày 04/10/2002 tại huyện S, tỉnh N; nơi cư trú: thôn B, xã P, huyện S, tỉnh N; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Lương M, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.*

- Bị hại: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2001; địa chỉ: thôn C, xã Ph, huyện S, tỉnh N. *Vắng mặt.*

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1973; địa chỉ: thôn B, xã P, huyện S, tỉnh N. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 45 phút ngày 01/3/2022, bị cáo Nguyễn Lương H đang ở trọ tại nhà trọ của anh D thuộc tổ dân phố H, thị trấn A, huyện S. Khi đi ngang qua phòng trọ của chị Nguyễn Thị T, bị cáo thấy phòng trọ của chị T cửa chính đóng, nhưng cửa sổ thì mở. Bị cáo nhìn qua cửa sổ thấy một túi xách màu trắng treo gần cửa sổ, bị cáo bẻ một nhành cây khô dài khoảng 60 cm rồi dùng đoạn cây đưa qua cửa sổ móc vào túi xách của chị T kéo lại phía cửa sổ, sau đó bị cáo dùng hai tay dựa vào cửa sổ qua khung cửa sắt, cầm túi xách để tìm kiếm tài sản. Bị cáo phát hiện trong túi xách có một thẻ ATM của ngân hàng Sacombank mang tên NGUYỄN THỊ T nên nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong tài khoản này. Do có quen biết với chị T và có lần mượn thẻ ATM của chị T để rút tiền nên bị cáo biết được mật khẩu của thẻ ATM. Sau đó, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 92G1- 332.19 cầm theo thẻ ATM đi đến trạm ATM của Ngân hàng Agribank tại thị trấn A, huyện S để rút tiền. Bị cáo rút được số tiền 2.000.000 đồng rồi kiểm tra tài khoản thì thấy số dư trong tài khoản là 83.000 đồng nên tiếp tục rút số tiền 50.000 đồng. Sau khi rút được tiền, bị cáo về phòng trọ của chị T rồi bỏ lại thẻ ATM vào túi xách, dùng đoạn cây khô treo túi xách lại vị trí ban đầu.

Đến ngày 03/3/2022, chị T kiểm tra ứng dụng của ngân hàng trên điện thoại thì phát hiện bị mất số tiền 2.050.000 đồng và bị rút tại Agribank A nên chị T đến Ngân hàng Agribank chi nhánh A đề nghị kiểm tra camera an ninh của ngân hàng. Đến ngày 11/3/2022, Ngân hàng Agribank chi nhánh A đã cung cấp hình ảnh đối tượng rút tiền tại cây ATM cho chị T nên chị T đã đến trình báo sự việc với cơ quan Công an.

Quá trình làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Sơn, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 18/CT-VKSQS ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Lương H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*; áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã trả lại cho bị hại T số tiền 2.050.000 đồng, chị T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề nghị xem xét; về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: trả cho bị cáo 01 cái quần lửng màu trắng, 01 cái áo khoác màu đen, 01 nón vải màu đỏ, loại mũ tai bèo và số tiền 2.050.000 đồng do không quan đến việc phạm tội.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Vào khoảng 09 giờ 45 phút ngày 01/3/2022, tại tổ dân phố H, thị trấn A, huyện S, bị cáo Nguyễn Lương H đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 thẻ ATM của chị Nguyễn Thị T rồi đến cây ATM rút tiền, chiếm đoạt của chị T số tiền 2.050.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo: quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được điều đó, nhưng với bản tính tham lam, lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để trộm cắp tài sản với mục đích tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách trả lại số tiền đã trộm cắp cho bị hại; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và bị hại có đơn

xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, tạo điều kiện cho bị cáo nhanh chóng hòa nhập cộng đồng, cải tạo thành người công dân tốt xã hội.

Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, công việc không ổn định nên không khấu trừ thu nhập.

[5] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Nguyễn Thị T đã nhận lại số tiền 2.050.000 đồng mà bị cáo đã trộm cắp, chị T không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 cái quần lửng màu trắng, 01 cái áo khoác màu đen, 01 nón vải màu đỏ, loại mũ tai bèo là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 2.050.000 đồng mà bị cáo tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Sau khi thi hành án xong số tiền còn thừa được trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Lương H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Lương H 12 *(mười hai)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh N giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Trả cho bị cáo: 01 cái quần lửng màu trắng, 01 cái áo khoác màu đen, 01 nón vải màu đỏ, loại mũ tai bèo.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.050.000 *(hai triệu không trăm năm mươi nghìn)* đồng để đảm bảo thi hành án. Sau khi thi hành án xong số tiền còn thừa được trả lại cho bị cáo.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 03/6/2022. Riêng số tiền 2.050.000 đồng đang tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn tại Kho bạc Nhà nước huyện Quế Sơn theo Ủy nhiệm chi ngày 02/6/2022).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/7/2022). Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Văn phòng Công an huyện Quế Sơn;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Quế Sơn;
- Phòng Hồ sơ CA huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Sen